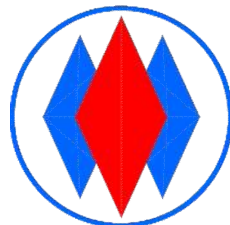


SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN.
MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



MECAVNECO.JSC

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định số/QĐ-SGDHN do Sở GDCK Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2015)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

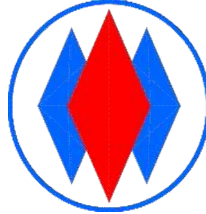
R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, Phường Tân Phong Q.7 – TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-83) 54105273 Fax: (84-83) 54105274

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Mai Thái Dũng Chức vụ: Kế toán trưởng
Điện thoại: (84-83) 54105273 Fax: (84-83) 54105274

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

(Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số: 4103002120, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/02/2004 và Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 8 ngày 30/12/2010)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Điện Mê Ca Vneco

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng đăng ký giao dịch : 9.007.500 cổ phiếu

Tổng giá trị đăng ký giao dịch : 90.075.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG(APS)

Địa chỉ: Số 14 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà nội

Điện thoại: (84-4) 3573 0200 Fax: (84-4) 3577 1960

Website: www.apec.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ: Lô 78-80 Đường 30-4, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 365 5886 Fax: (84-511) 365 5887

Email: acc@dng.vnn.vn

Website: <http://www.acc.com.vn>



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro kinh tế.....	3
2. Rủi ro về luật pháp	3
3. Rủi ro đặc thù	3
4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu.....	4
5. Rủi ro khác.....	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN..	5
1. Tổ chức đăng ký giao dịch	5
2. Tổ chức tư vấn	5
III. CÁC KHÁI NIỆM	6
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	7
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	10
3. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty :.....	11
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông	12
5. Danh sách công ty mẹ và những công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết:	13
6. Hoạt động kinh doanh	14
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất:	17
8. Vị thế của Công ty so với các DN khác trong cùng ngành.....	19
9. Chính sách đối với người lao động	21
10. Chính sách cổ tức	23
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	23
12. Hội đồng Quản trị; Ban Giám đốc; Ban kiểm soát; Kế toán trưởng	28
13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	34
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014	35
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:.....	36
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty:.....	36
V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	37
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông	37
2. Mã chứng khoán : VES	37
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu	37
4. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch :	37
5. Phương pháp tính giá.....	37
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	37
7. Các loại thuế liên quan	37
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	38
1. Tổ chức tư vấn :	38
2. Tổ chức kiểm toán:.....	38
VII. PHỤ LỤC.....	38
1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy phép đăng ký kinh doanh.....	38
2. Phụ lục II : Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.....	38
3. Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014.....	38



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Rủi ro biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, chính sách của Chính phủ sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần Mêca Vneco nói riêng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca Vneco nằm trong phạm vi truyền tải điện, đây là 1 trong 3 khâu chính của ngành điện: phát điện, truyền tải và tiêu thụ.

Theo dự báo, nhu cầu phụ tải điện sẽ tiếp tục tăng cao để bảo đảm cho sự phát triển của nền kinh tế và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Để đáp ứng đủ sản lượng điện phục vụ cho nền kinh tế, Chính phủ đã có những dự án xây dựng nhà máy, hệ thống nguồn và lưới điện ở khắp nơi trên đất nước, chính điều này ảnh hưởng mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của toàn ngành xây lắp các công trình đường dây truyền tải điện.

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2013, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Việt Nam đều tăng với những con số khá. GDP tính chung cả nước tăng 5,42%, trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp ước tính tăng 5,43%, sản xuất nông nghiệp tăng 2,67%, tổng đầu tư toàn xã hội ước đạt 1091,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2012 và bằng 30,4% GDP. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Mặt khác, trong năm 2014 cũng chứng kiến sự hồi phục bước đầu của kinh tế toàn cầu. Cùng với những giải pháp quyết liệt để ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội của Chính phủ từ năm 2012 đến nay, kinh tế Việt Nam đang dần ổn định và sẽ có những bước phát triển vững chắc trong thời gian tới.

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm tới là khả quan do ảnh hưởng tích cực từ triển vọng hồi phục và phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xây dựng nói riêng tạo rất nhiều điều kiện và cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp ngành xây dựng.

Cùng với sự hồi phục của nền kinh tế, Công ty luôn nhận thức những thách thức phía trước và đặt ra nhiệm vụ chiến lược là phải cập nhật các giá trị thức công nghệ, nâng cao năng lực để khẳng định vị thế của Mêca Vneco trong lĩnh vực xây lắp điện, mở ra nhiều cơ hội hợp tác với các nhà đầu tư ngành điện trong và ngoài nước, tăng doanh thu, lợi nhuận và duy trì phát triển bền vững của Công ty..

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca Vneco chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp. Sau khi được cấp phép giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước đây và giao dịch trên Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội hiện nay thì hoạt động của Công ty còn bị điều tiết theo các văn bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Luật và các văn bản dưới luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới, Việt Nam sẽ phải cải tổ hành lang pháp lý từng bước cho phù hợp với thông lệ thế giới. Do vậy, bất kỳ sự thay đổi nào trong các quy định của pháp luật và môi trường pháp lý cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung vào 03 nhóm sản phẩm, dịch vụ gồm: (i) xây lắp điện; (ii) dịch vụ du lịch và (iii) kinh doanh bất động sản. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố là rủi ro biến động giá nguyên vật liệu, rủi ro về chiếm dụng vốn, rủi ro đặc thù ngành xây lắp điện, rủi ro cạnh tranh từ các công ty khác trong cùng ngành và rủi ro về môi trường du lịch.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào: Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi phí nguyên vật liệu đầu vào như sắt thép, kim loại màu (nhôm, đồng, kẽm) và nhiên liệu dầu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí gia công mạ kẽm và xây lắp điện. Sự biến động giá cả của các nguyên vật liệu đầu vào này sẽ ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán của công ty, từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

Rủi ro về chiếm dụng vốn: Hoạt động trong lĩnh vực xây lắp hoàn chỉnh các công trình đường dây chuyên tải điện và xây lắp trạm biến áp điện Công ty chịu rủi ro về chiếm dụng vốn do các chủ đầu tư thanh toán chậm, đây là đặc thù của hoạt động kinh doanh này. Thông thường, sau khi hoàn thành



công việc, Công ty phải chờ các hạng mục khác của dự án hoàn thiện và chủ đầu tư thực hiện quyết toán và kiểm toán. Sau khi kiểm toán xong, chủ đầu tư đồng ý thanh toán khoảng 95% giá trị hợp đồng, giữ lại 5% để bảo hành sản phẩm. Tùy vào loại hình sản phẩm mà 5% còn lại sẽ được khách hàng thanh toán sau 1-2 năm. Hệ quả là tỷ trọng nợ ngắn hạn của Công ty thường xuyên duy trì ở mức cao để có thể tài trợ vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh. Việc duy trì hệ số nợ cao có thể gây ra rủi ro mất khả năng thanh toán khi Công ty không thu hồi được các khoản nợ, hoặc khách hàng của Công ty bị phá sản. Để giảm thiểu rủi ro này, công ty đưa ra các kế hoạch làm việc với đối tác, thảo luận cụ thể các biện pháp đảm bảo tiến độ dự án để tránh việc thanh toán kéo dài.

Rủi ro về ngành xây lắp điện: Ngành xây lắp điện phụ thuộc cao do nguyên tắc hoạt động sản xuất theo gói thầu, ngoài ra trong quá trình thi công dựa nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư cũng như công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Bên cạnh đó, nghề xây lắp điện có tính chất nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm đến an toàn và sức khỏe của người lao động. Nhận thức được rủi ro này cũng như để bảo vệ cho cán bộ công nhân viên, định kỳ 6 tháng một lần Công ty tổ chức các buổi đào tạo về kỹ thuật ngành và an toàn lao động cho nhân viên.

Rủi ro cạnh tranh: Chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty phải đối mặt với những thay đổi lớn về thị trường cũng như thị phần hoạt động. Từ hình thức nhận giao thầu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam và những chủ đầu tư khác, nay Công ty phải hoạt động dưới cơ chế cạnh tranh bình đẳng với các công ty khác trong ngành. Hiện nay, với quá trình hội nhập Việt Nam đã tạo điều kiện cho nhiều tổ chức nước ngoài có thương hiệu, uy tín, năng lực và tiềm lực tài chính vào hoạt động cùng ngành, tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gia tăng.

Trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và khách sạn, do việc đầu tư cơ sở vật chất còn ở chừng mực so với yêu cầu, chưa đáp ứng việc mở rộng quy mô hoạt động, thu hút khách hàng nên khả năng cạnh tranh dịch vụ với các đơn vị khác còn hạn chế. Tuy nhiên, với chính sách phát triển trong tương lai, để quảng bá hình ảnh của Công ty rộng rãi hơn, mảng hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn sẽ được đầu tư hợp lý.

Rủi ro về môi trường du lịch: Hiện nay Việt Nam vẫn chưa có một quy hoạch rõ ràng để phát triển du lịch nên việc khai thác và sử dụng các cảnh quan du lịch còn kém, gây nên ô nhiễm môi trường, các dịch vụ du lịch vẫn còn đơn điệu, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, phí dịch vụ còn cao v.v... nên lượng khách du lịch nước ngoài trở lại Việt Nam lần thứ hai là rất thấp. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và khách sạn của Công ty

Rủi ro kinh doanh bất động sản: Thị trường bất động sản chịu ảnh hưởng mạnh của chính sách tài khóa và tín dụng của Nhà nước. Với chính sách tài chính nhằm mục tiêu kiềm chế lạm phát, nguồn vốn tín dụng bất động sản và sức cầu đối với sản phẩm bất động sản và thị trường bất động sản vì vậy sẽ bị ảnh hưởng. Điều này ảnh hưởng đến rất lớn đến hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty khi không thể huy động đủ vốn để tiến hành dự án, cũng như không thể chuyển nhượng được dự án khi thị trường đóng băng, ít giao dịch.

4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu được xác lập bằng quan hệ cung cầu trên thị trường, quan hệ này chịu sự tác động lớn bởi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam và nhiều yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý nhà đầu tư. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thì các yếu tố nêu trên lại càng trở nên nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch của cổ phiếu.

Ngoài ra, cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng khi Công ty phát hành tăng vốn làm giảm thu nhập trên một cổ phiếu.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, như các rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,... Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu, vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về diễn biến thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động và dụng cụ an toàn cho công nhân, bảo đảm an toàn lao động.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊ CA VNECO

Ông Ngô Văn Cường	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Lâm Quốc Hải	Chức vụ: Giám đốc Công ty
Ông Mai Thái Dũng	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Hồ Văn Quang	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
---------------------------	------------------------

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng điện Meca Vneco.

Chúng tôi đảm bảo việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng điện Meca Vneco cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

- ❖ UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ❖ SGDCK HN: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- ❖ SGDCK Tp.HCM: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- ❖ Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca Vneco
- ❖ ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ❖ HĐQT: Hội đồng Quản trị
- ❖ BTGD: Ban Tổng Giám đốc
- ❖ BKS: Ban Kiểm soát
- ❖ CB-CNV: Cán bộ công nhân viên
- ❖ Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca Vneco
- ❖ Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca Vneco
- ❖ ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
- ❖ SXKD: Sản xuất kinh doanh
- ❖ DNNN: Doanh nghiệp Nhà nước
- ❖ CP: Cổ phần
- ❖ Đơn vị trực thuộc: Công ty quản lý trực tiếp.
- ❖ Công ty thành viên: Được thành lập theo quyết định thành lập của Công ty và là đơn vị hạch toán phụ thuộc



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về công ty

- ❖ Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO
- ❖ Tên tiếng Anh: MECA VNECO INVESTMENT AND ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- ❖ Tên viết tắt: ME CA VNECO JSC
- ❖ Logo



MECA VNECO.JSC

- ❖ Trụ sở chính : R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, P. Tân Phong, Q 7, Tp. HCM
- ❖ Điện thoại : (84-83) 54105273
- ❖ Fax : (84-83) 54105274
- ❖ Email : Mecavnecojsc@gmail.com
- ❖ Web site : www.Mecavneco.com.vn
- ❖ Mã số thuế : 0303245217
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký : 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng)
- ❖ Vốn điều lệ đã góp : 90.075.000.000 đồng (chín mươi tỷ, bảy mươi lăm triệu đồng)
- ❖ Nơi mở tài khoản :

STT	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản	Ghi chú
1	Vietcombank Tân Thuận – CN Nam Sài Gòn- PGD- PMH	0181001034944	VND
2	NH TMCP Hàng Hải VN – CN HCM	04001010064967	VND

Ngành nghề kinh doanh

- ✚ Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại (không hoạt động tại trụ sở)
- ✚ Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp-dân dụng
- ✚ Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)
- ✚ Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa- quốc tế
- ✚ Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công-nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- ✚ Xây dựng công trình công nghiệp dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp
- ✚ Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- ✚ Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính- kế toán)
- ✚ Kinh doanh nhà ở
- ✚ Cho thuê văn phòng, kho bãi
- ✚ Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao)
- ✚ Bán buôn đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở)

Các sản phẩm, dịch vụ chính



- ✚ Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp, dân dụng.
- ✚ Xây lắp các trạm biến áp điện có cấp điện áp đến 500 kV.
- ✚ Cho thuê văn phòng, kho bãi
- ✚ Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành nội địa – quốc tế

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

✚ Năm 2004 : Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO được thành lập trên cơ sở hợp đồng thành lập giữa ba bên là Công ty Xây Lắp Điện 3 (Nay là Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH SANNAM và Ông Vũ Văn Điện. Được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 4103002120 ngày 26 tháng 02 năm 2004. Tên gọi: Công ty Cổ phần Điện 3 với vốn điều lệ đăng ký là: 10 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp là 9,8 tỷ đồng .

✚ Năm 2006 : Mở rộng quy mô sản xuất, bổ sung ngành nghề kinh doanh, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ Phần Kết Cấu Thép Và Mạ Kẽm MÊCA VNECO .

✚ Năm 2007: Công ty được đổi tên thành công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO. Vốn điều lệ đăng ký tăng lên 150 tỷ đồng và vốn điều lệ thực góp tăng lên 90,075 tỷ đồng. Trong năm này công ty đầu tư mua mới và mở rộng kinh doanh Khách sạn Xanh Sài Gòn tại 740C, Nguyễn Kiệm, P.4, Q.Phú Nhuận, TP.HCM với 25 phòng, 01 Bar, 01 nhà hàng

✚ Năm 2008: Công ty đầu tư mua thêm Khách sạn Xanh Mêca VNECO tại R1-R72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, Q.7, TP.HCM với diện tích 300m2 gồm 28 phòng, 01 Bar, 01 nhà hàng.

✚ Công ty đầu tư mua khu đất tại 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh để triển khai Dự án Đầu tư xây dựng dự án Khu căn hộ cao cấp VNECO PLAZA . Đến nay đã hoàn thành một số hạng mục như: San lấp mặt bằng, khoan cọc nhồi, Môi trường và Phòng cháy chữa cháy đang chờ cấp phép xây dựng hai khối nguyên đơn 25 tầng (chưa kể tầng hầm và sân thượng)

✚ Năm 2010: Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên SGDCK Tp.HCM với mã chứng khoán VES, theo quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 60/QĐ- SGDHCM của SGDCK Tp.HCM ngày 02/4/2010

✚ Năm 2011: Trước những khó khăn do sự suy thoái của nền kinh tế, ảnh hưởng mạnh đến kinh doanh bất động sản, dịch vụ du lịch, Ban Lãnh đạo công ty xây dựng lại định hướng phát triển tập trung vào ngành nghề truyền thống của công ty là xây lắp điện. Thứ tự ưu tiên phát triển : (1) Xây lắp điện (2) Đầu tư bất động sản (3) Kinh doanh dịch vụ du lịch.

✚ Năm 2013: Cổ phiếu của công ty bị hủy niêm yết trên SGDCK Tp.HCM theo quyết định số 122/2013/QĐ-SGDHCM của SGDCK Tp.HCM ngày 03/04/2013, do kết quả sản xuất, kinh doanh bị thua lỗ trong 03 năm liên tục

✚ Một số dự án tiêu biểu Công ty thực hiện, được liệt kê theo thứ tự thời gian

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian hoàn thành
1	Dự án Mua và Mở rộng Kinh doanh Khách Sạn Xanh Sài Gòn	Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco	740C Nguyễn Kiệm , P4, Phú Nhuận, HCM	2008
2	Khách sạn Xanh Mêca Vneco	Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco	R71-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, Q7, HCM	2008
3	Dự án khu căn hộ cao cấp VNECO PLAZA Bến Bình Đông	Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco	277 Bến Bình Đông, P14, Q8, Hồ Chí minh	2009
4	Công trình ĐZ 500 kV Phú Mỹ - Sông Mỹ	BQL các công trình điện Miền Nam	Tỉnh Đồng Nai	2009
5.	Công trình ĐZ 500 kV Mỹ Phước - Cầu Bông	BQL các công trình điện Miền Nam	Tỉnh Gia Lai	2011
6	Công trình ĐZ 500 kV Vĩnh Tân - Sông Mỹ	BQL các công trình điện Miền Nam	Tỉnh Đồng Nai	2011
7	Công trình ĐZ 220 kV Duyên hải - Trà Vinh	BQL các công trình điện Miền Nam	Tỉnh Trà Vinh	5/2014



Hình ảnh một số dự án tiêu biểu Công ty đã thực hiện



Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ (VND)	Vốn thực góp (VND)	Giá trị tăng (VND)	Phương thức
02/2004	10.000.000.000	9.800.000.000		Vốn điều lệ Công ty cổ phần
05/2007 đến 31/12/2008	150.000.000.000	90.075.000.000	80.275.000.000	Phát hành riêng lẻ Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01NQ/ĐHĐCĐ/ ngày 08/05/2007

Vốn điều lệ thực góp hiện tại là: 90.075.000.000 đồng

Thông tin về đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 90.075.000.000 đồng như sau:

Tháng 5/2007:

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01NQ/ĐHĐCĐ/ ngày 08/05/2007 Công ty Phát hành riêng lẻ cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 150.000.000.000 đồng nộp theo tiến độ trong 02 năm 2007 và 2008

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 03 cổ đông
- Vốn điều lệ thực góp trước khi phát hành: 9.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại 31/12/2007: 32.190.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông tại thời điểm 31/12/2007: 60 cổ đông

Trong đó tăng vốn điều lệ cho các đối tượng:

Đối tượng 1: Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Tỷ lệ phát hành: 10:139 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thì được mua 139 cổ phiếu mới)

Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ đông hiện hữu: 3 cổ đông



Tổng số cổ phần: 10.900.000 cổ phần

Đối tượng 2: Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt trong Công ty

Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phần: 100.000 cổ phần

Đối tượng 3: Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho CBCNV Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng

điện Việt Nam và các Công ty thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - con của Tổng công ty

Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phần: 3.000.000 cổ phần

Năm 2008:

Tiếp tục thực hiện góp vốn theo tiến độ tại Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 01NQ/ĐHĐCĐ/ ngày 08/05/2007

- Vốn điều lệ thực góp trong năm 2008: 57.885.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại 31/12/2008: 90.075.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông tại thời điểm 31/12/2008: 65 cổ đông

Khối lượng cổ phiếu thực tế phát hành cho từng đối tượng:

Đối tượng 1: Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Khối lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 5.650.000 cổ phiếu

Giá trị vốn thực tế phát hành: 56.500.000.000 đồng

Đối tượng 2: Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt trong Công ty

Khối lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 172.500 cổ phiếu

Giá trị vốn thực tế phát hành: 1.725.000.000 đồng

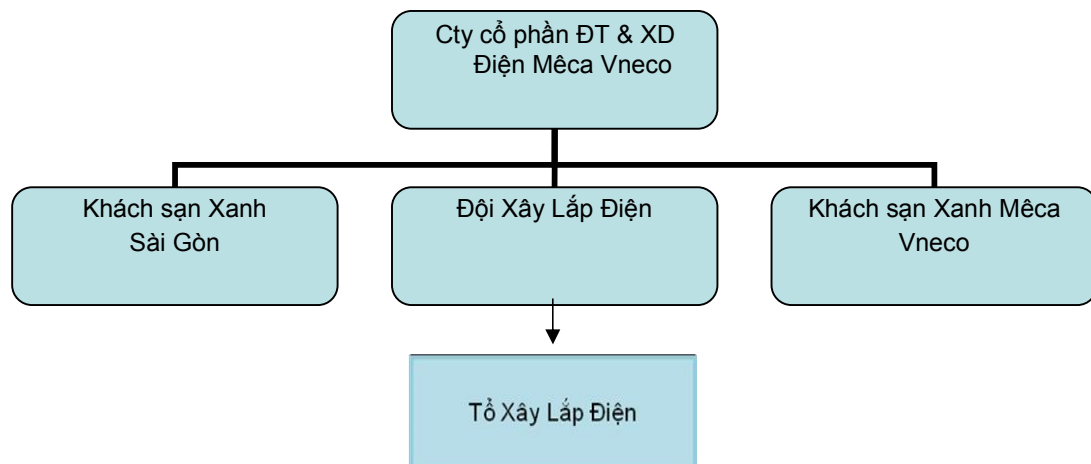
Đối tượng 3: Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho CBCNV Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng

điện Việt Nam và các Công ty thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - con của Tổng công ty

Khối lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 2.205.000 cổ phiếu

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần.



Trụ sở chính:

Khách sạn Xanh Mêca Vneco

Địa chỉ: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

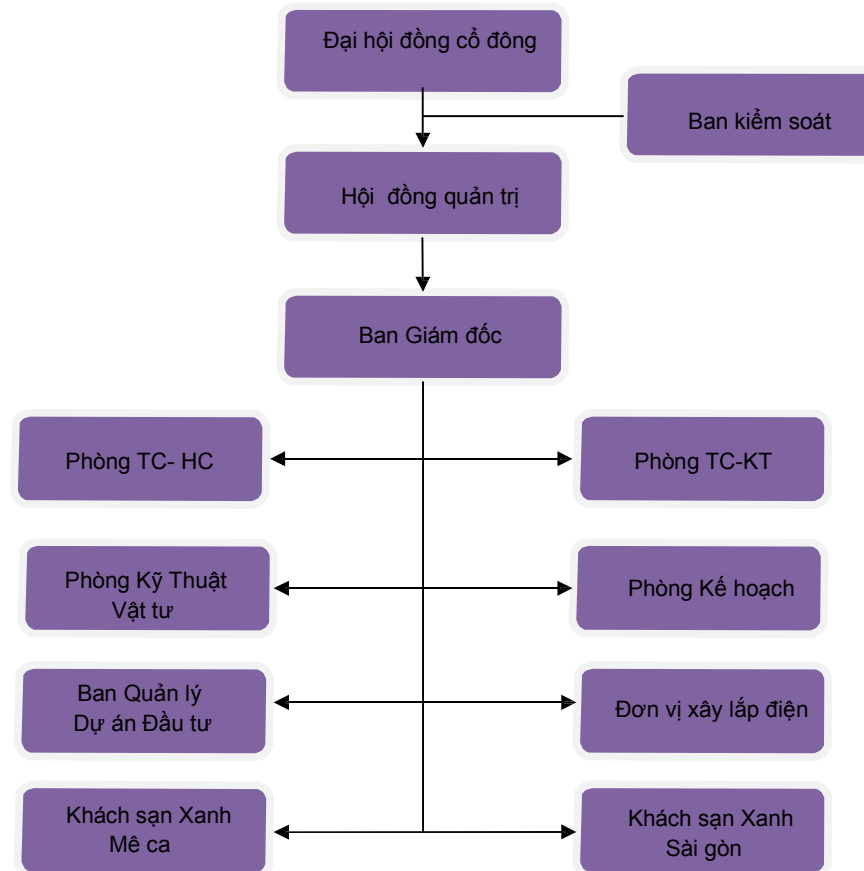
Điện thoại: (84.83) 54105273 Fax: (84.83) 54105274



3. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty :

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:



Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.

Hiện tại Hội Đồng Quản trị Công ty có 5 thành viên như sau:

1. Ông Ngô Văn Cường : Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Lê Chí Dũng : Thành viên HĐQT
3. Ông Lê Thạch Túy : Thành viên HĐQT
4. Ông Lâm Quốc Hải : Thành viên HĐQT
5. Ông Trần Quang Huy : Thành viên HĐQT

Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Hiện tại Ban Kiểm soát có 3 thành viên như sau:



- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Hồ Văn Quang | : Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Ông Võ Thành Lương | : Thành viên Ban kiểm soát |
| 3. Ông Nguyễn Văn Quảng | : Thành viên Ban kiểm soát |

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các phó Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại gồm:

- | | |
|----------------------|------------------|
| 1. Ông Lâm Quốc Hải | : Giám đốc |
| 2. Ông Mai Thái Dũng | : Kế Toán trưởng |

Các Phòng, Ban nghiệp vụ

Phòng Tổ chức – Hành chính : Tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác tổ chức, quản lý lao động, tiền lương và công tác hành chính. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản trị nhân sự và hành chính trong Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán : Tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác Tài chính, Kế toán. Nhiệm vụ cụ thể: lập kế hoạch tài chính trong năm kế hoạch và kế hoạch trung, dài hạn; tìm kiếm các nguồn vốn để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; thực hiện các quy định về kế toán, kiểm toán và thuế theo quy định của Nhà nước; thực hiện quản lý tài chính của Công ty như quản lý các khoản công nợ, chi phí sản xuất kinh doanh; phân phối lợi nhuận và lập kế hoạch phân phối lợi nhuận cho năm kế hoạch, phân phối và sử dụng các quỹ của đơn vị;

Phòng Kế hoạch : Tham mưu giúp việc Ban Giám đốc và Công ty trong lĩnh vực như lập kế hoạch, điều độ sản xuất. Nhiệm vụ cụ thể: lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho hàng tháng, quý, năm của Công ty, đơn đốc và theo dõi việc thực hiện tiến độ kế hoạch của các bộ phận sản xuất; lập dự toán theo khối lượng và hồ sơ thanh quyết toán khối lượng công trình, tham gia đấu thầu, nhận thầu các công trình xây dựng.

Phòng Kỹ thuật - Vật tư : Nhiệm vụ cụ thể: lập phương án tổ chức thi công cho các công trình, khi phương án được duyệt thì hướng dẫn cho các bộ phận thi công thực hiện; thường xuyên kiểm tra theo dõi điều chỉnh các biện pháp thi công cho phù hợp với điều kiện thực tế để bộ phận thi công hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng sản phẩm; xây dựng các quy trình kỹ thuật và hướng dẫn giám sát việc thực hiện các quy trình quy phạm kỹ thuật đối với các phân xưởng sản xuất

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông

4.1 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 1: Cơ cấu Cổ đông Công ty tại ngày 28/04/2014

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
I	Cổ đông trong nước	471	9.002.100	99,94
	Cá nhân	467	1.445.500	16,05
	Tổ chức	4	7.556.600	83,89
II	Cổ đông nước ngoài	3	5.400	0,06
	Cá nhân	2	400	0,004
	Tổ chức	1	5.000	0,056
III	Cổ phiếu quỹ	-	0	0
	Tổng cộng	474	9.007.500	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Mê ca Vneco chốt tại ngày 28/04/2014)



4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 28/04/2014

TT	Cổ đông	GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cp	Tỷ lệ
1.	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam(VNECO) Đại diện: Đoàn Đức Hồng	Số 0400101450 do Sở KH & ĐT Tp.Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần 3 và đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 15 tháng 7 năm 2014	344 Phan Chu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	6.310.000	70,05%
2.	Công ty cổ phần tập đoàn Quốc tế ABC	Số 37/GP-HD do Sở KH & ĐT tỉnh Hải dương cấp ngày 10 tháng 12 năm 2003	614 Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội	1.206.000	13,39%
Tổng cộng				7.516.000	83,44%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Mê ca Vneco chốt tại ngày 28/04/2014)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 3: Danh sách Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phần tại ngày 28/04/2014

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cp	Tỷ lệ
1.	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO) Đại diện: Ngô Văn Cường	344 Phan Chu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	6.310.000	70,05%
2.	Lê Thạch Túy	179 Hà Huy Tập, Thanh Khê, Đà Nẵng	50.000	0,55%
3.	Đỗ Ngọc Tiến (đã chuyển nhượng hết)	22 Lô 1, KP2, P.Tân Phong,Q7, Tp. HCM		
Tổng cộng			6.360.000	70,60%

(Nguồn: Giấy chứng nhận ĐKKD và Sổ cổ đông của Công ty cổ phần Mê ca Vneco chốt tại ngày 28/04/2014)

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco chính thức đi vào hoạt động từ ngày 27/02/2004 và căn cứ vào quy định tại điều 84, khoản 5, Luật Doanh nghiệp 2005 thì thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập là ngày 27/02/2007. Như vậy, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách công ty mẹ và những công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết:

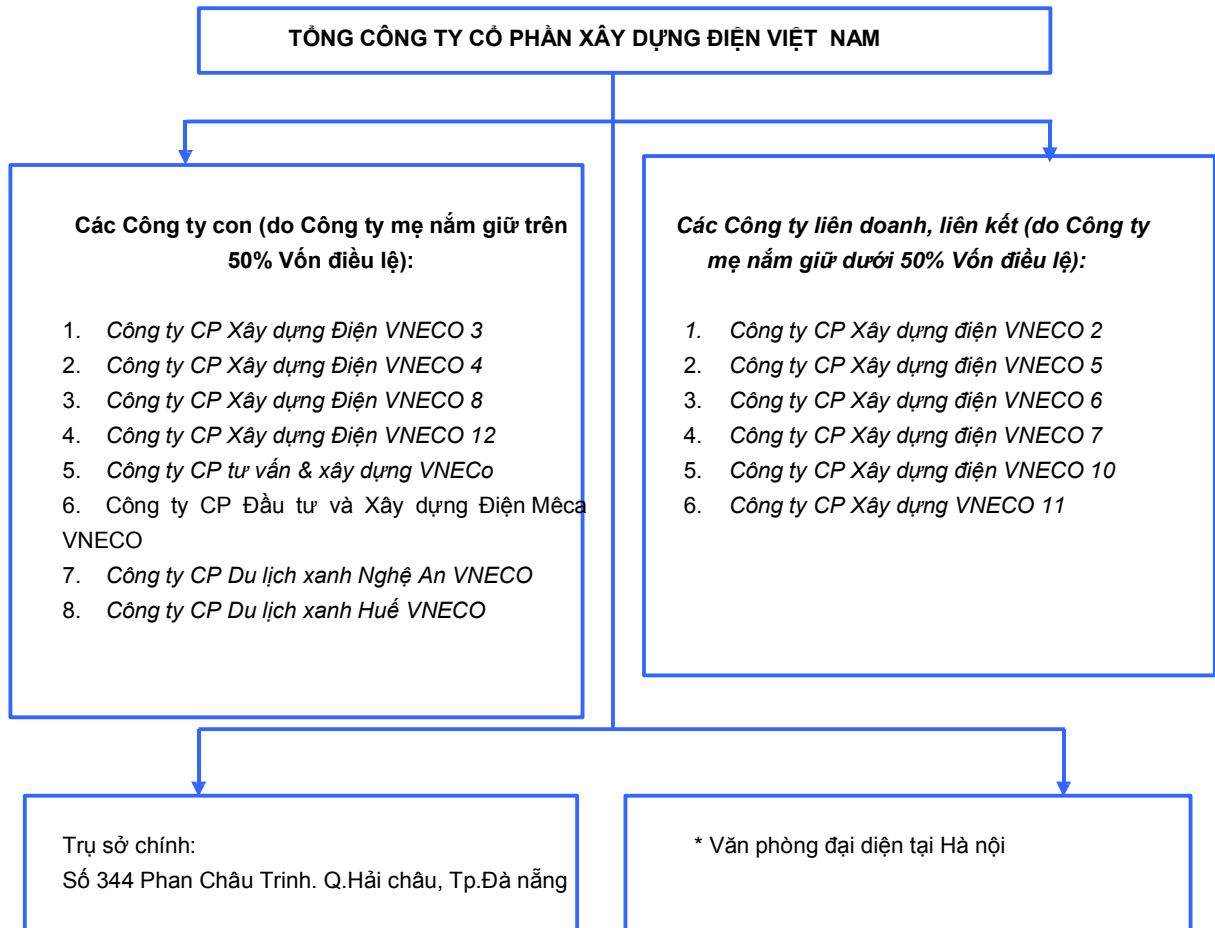
5.1 Danh sách công ty mẹ, công ty nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối đối với Mêca Vneco:

Hiện nay, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) nắm cổ phần chi phối của Công ty với số cổ phần là 6.310.000 cổ phần tương đương 70,05% vốn điều lệ.

- Địa chỉ: 344 Phan Chu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại: 84-(511) 356 2361 Fax: 84-(511) 356 2367
- Thời điểm thành lập: 01/12/2005 (thời điểm chuyển sang công ty cổ phần)
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản, kinh doanh khách sạn dịch vụ du lịch và các ngành nghề khác...
- Vốn điều lệ: 637,210,610,000 đồng
- Ngày niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh: 09/08/2007.
- Mã chứng khoán: VNE



Sơ đồ tổ hợp Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt nam



5.2 Danh sách công ty con, những công ty do Mêca Vneco đang nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối:

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm, dịch vụ

Xây lắp điện

Công ty thực hiện xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh các công trình đường dây truyền tải điện có cấp điện áp từ 0,4kV đến 500kV, gồm các hạng mục chính như sau:

- Đào đúc móng và tiếp địa;
- Dựng cột bê tông li tâm và cột thép (các loại).
- Rã kéo căng dây dẫn và dây cáp quang (các loại).
- Phát quang hành lang tuyến, thí nghiệm hiệu chỉnh và đóng điện bàn giao công trình;
- Các công trình này do các công ty tư vấn thiết kế xây dựng điện trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam thiết kế và thẩm định.

Công ty thực hiện xây dựng và lắp đặt các trạm biến áp điện có cấp điện áp đến 500kV, gồm các hạng mục như sau:

- San đắp nền trạm;
- Đào đúc móng đỡ thiết bị;



- Xây dựng nhà điều khiển, nhà nghỉ ca, nhà bảo vệ;
- Xây dựng hệ thống đường trong và ngoài trạm;
- Lắp đặt thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ và đo lường;
- Lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc;
- Xây dựng và lắp đặt Hệ thống PCCC và xử lý sự cố;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh, lập phương thức đóng điện;
- Đóng điện bàn giao công trình;

✚ Xây dựng nhà ở dân dụng và công nghiệp

Công ty thực hiện xây dựng nhà ở dân dụng có kết cấu bê tông công trình từ cấp 1,2,3,4; Xây dựng và lắp đặt nhà công nghiệp có khung sườn kết cấu thép.

✚ Kinh doanh bất động sản

Công ty vẫn đang triển khai đầu tư Dự án căn hộ cao cấp VNECO Plaza tại số 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp.HCM với diện tích đất 5.465,4m², xây dựng 02 nguyên đơn mỗi nguyên đơn cao 25 tầng.

✚ Dịch vụ du lịch

Công ty đang sở hữu và khai thác 2 Khách sạn: Khách Sạn Xanh Sài Gòn tại 740C Nguyễn Kiệm -P4 - Q.Phú Nhuận và Khách sạn Xanh MÊCA VNECO tại R1-R2 Bùi Bằng Đoàn – Phú Mỹ Hưng – Quận 7. Với các dịch vụ: *Dịch vụ nhà nghỉ; Dịch vụ ăn uống; Phục vụ hội nghị, liên hoan; Phục vụ du lịch.*

✚ Dịch vụ cho thuê mặt bằng

Công ty đang tận dụng mặt bằng kinh doanh của Khách Sạn Xanh Sài Gòn, Khách sạn Xanh MÊCA VNECO và của khu đất dự án VNECO PLAZA để cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng. Dịch vụ này đóng góp quan trọng vào doanh thu của công ty.

6.2 Doanh thu các loại hình sản phẩm, dịch vụ của Công ty qua các năm

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần các loại hình kinh doanh qua các năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		30/06/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu xây lắp điện	5.410.530.350	75,98	15.428.676.251	88,43	2.384.464.451	69,98
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.478.787.880	20,76	2.018.181.817	11,57	1.022.727.271	30,02
Doanh thu bán hàng	231.885.481	3,26	-	-	-	-
Cộng	7.121.203.711	100	17.446.858.068	100	3.407.191.722	100

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

6.3 Cơ cấu lợi nhuận gộp các loại hình sản phẩm

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp các loại hình sản phẩm của Công ty qua các năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014



Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu lợi nhuận gộp	Năm 2012		Năm 2013		30/06/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
Hoạt động xây lắp điện	784.737.527	11,02	5.657.570.362	32,43	927.849.276	27,23
Hoạt động cho thuê mặt bằng	1.009.939.992	14,18	1.652.541.888	9,47	780.627.041	22,91
Hoạt động bán hàng	(2.605.480)	(0.04)	-	-	-	-
Cộng	1.792.072.039	25,16	7.310.112.250	41,9	1.708.476.310	50,14

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

6.4 Cơ cấu chi phí sản xuất

Bảng 6: Cơ cấu chi phí trong 2012 – 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		30/06/2014	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	5.329.131.672	74,84	10.136.745.818	51,10	1.698.715.405	49,86
2	Chi phí tài chính	9.183.854.988	128,96	6.275.702.071	35,97	2.896.252.813	85,00
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý DN	8.970.842.492	125,97	6.065.997.004	34,77	1.033.051.747	30,32
5	Tổng cộng chi phí	23.483.829.152	329,77	22.478.444.893	128,84	5.628.019.965	165,18

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và BCTC 6 tháng đầu năm 2014

6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, Công ty đã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 năm 2007. Hệ thống quản lý chất lượng ISO đã phát huy tác dụng, góp phần không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ, tăng mức doanh thu, cải thiện thu nhập của người lao động trong Công ty. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 do Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert cấp.

6.6 Hoạt động Marketing

Chính sách khuyến khích quảng bá thương hiệu:

Thâm nhập thị trường: Tăng số lượng các sản phẩm hiện tại trên thị trường bằng cách thực hiện chính sách Marketing hỗn hợp (những chiến dịch quảng cáo mới, hữu hiệu; nhân rộng và tăng cường mạng lưới tiêu thụ; và giảm giá, v.v...) nhằm để thu hút khách hàng của đối thủ cạnh tranh hay những khách hàng mới.

Phát triển sản phẩm: Đưa ra các sản phẩm hoàn thiện hơn hay các sản phẩm mới trên thị trường hiện tại.

Đa dạng hoá: Đưa ra những sản phẩm mới trên những thị trường hoàn toàn mới.



🚩 Quá trình triển khai thực hiện chính sách Marketing:

Chăm sóc khách hàng:

Kể từ khi thành lập cho đến nay, thiết kế, chế tạo, gia công các sản phẩm phục vụ công trình đường dây, trạm biến áp 500KV, 220KV, 110KV là một trong những lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Công ty. Đây được coi là thế mạnh sẵn có của Công ty trong suốt thời gian hoạt động. Công ty luôn sử dụng tối đa mọi nguồn lực nhằm phục vụ nhu cầu khách hàng đảm bảo tiến độ xây lắp và chất lượng sản phẩm

Đối với các dịch vụ cho thuê mặt bằng và du lịch, công ty tập trung hỗ trợ để đảm bảo khách hàng sử dụng dịch vụ đạt hiệu quả kinh tế cao.

Phát triển sản phẩm

Với các thế mạnh vốn có đối với lĩnh vực xây lắp đường dây và dịch vụ du lịch. Công ty tiếp tục phát huy và mở rộng thị trường trong các lĩnh vực này. Bên cạnh việc tập trung hoàn thiện chất lượng sản phẩm hiện có, tạo dựng uy tín trên thị trường, Công ty chủ trương nghiên cứu, tìm hiểu về các kỹ thuật mới, sản phẩm mới tối ưu hơn đối với từng loại hình sản phẩm dịch vụ đã cung cấp.

Cơ chế giá linh hoạt

Công ty áp dụng chính sách giá cả linh hoạt, giá cả thay đổi theo từng thời điểm để vừa đảm bảo giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh, vừa đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, với phương thức thanh toán hợp lý, Công ty đã đặt được mối quan hệ lâu dài và thu hút một số lượng lớn các khách hàng tại Công ty.

6.7 Kế hoạch phát triển kinh doanh

🚩 Đối với hoạt động kinh doanh chính :

- Đẩy mạnh phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống, mũi nhọn là xây lắp điện. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao năng lực thi công và chất lượng công trình xây lắp điện.
- Khai thác hiệu quả khối kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
- Xây dựng mô hình quản lý phù hợp, năng động nhằm phát triển hơn nữa tiềm lực của công ty phù hợp với đặc thù ngành.

🚩 Đối với hoạt động đầu tư :

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục theo quy định đối với dự án khu căn hộ cao cấp VNECO PLAZA tại địa chỉ 277 Bến Bình Đông. Q.8, Tp HCM để triển khai đầu tư xây dựng hoặc chuyển giao.

🚩 Đối với công tác nhân sự :

- Đào tạo và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ công nhân viên
- Củng cố, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Phát huy khả năng sáng tạo của tất cả cán bộ công nhân viên
- Đoàn kết phát huy sức mạnh tập thể

🚩 Chính sách lương thưởng phúc lợi:

- Đảm bảo mức thu nhập cho cán bộ công nhân viên bằng và cao hơn năm 2013
- Thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động : BHXH, BHYT, BHTN ...

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất:

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012 và 2013 và 6 tháng đầu năm 2014



Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2012 – 2013 và 06 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	201.651.992.493	189.301.510.674	189.118.635.043
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.121.203.711	17.446.858.068	3.407.191.722
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(16.089.649.175)	(4.888.991.012)	(1.958.007.016)
4	Lợi nhuận khác *	(124.564.176)	53.822.488	(37.257.122)
5	Lợi nhuận trước thuế	(16.214.213.351)	(4.835.168.524)	(1.995.264.138)
6	Lợi nhuận sau thuế	(16.214.213.351)	(4.835.168.524)	(1.995.264.138)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

(*): Do lợi nhuận năm âm nên không tính số chênh lệch % giữa các năm.

(**): Do lợi nhuận âm, Công ty không trả cổ tức nên không tính tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức.

Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2013 đã tăng mạnh so với năm 2012. Cụ thể: Doanh thu thuần tăng xấp xỉ 145%, trong đó doanh thu từ hoạt động xây lắp điện tăng 185%, doanh thu từ mảng cho thuê mặt bằng tăng 33% so với năm 2012; Lợi nhuận gộp tăng xấp xỉ 308% nguyên nhân là do tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần đã giảm từ 74,84% năm 2012 xuống mức 51,1% trong năm 2013.

Bên cạnh đó, nhờ doanh nghiệp nỗ lực cắt giảm chi phí nên chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp trên cũng đã giảm mạnh. Tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu thuần đã giảm từ mức 128,96% năm 2012 xuống mức 35,97% năm 2013 và tỷ trọng chi phí quản lý trên doanh thu thuần giảm từ mức 125,97% năm 2012 xuống mức 34,77%.

Trong năm 2013, mặc dù doanh thu các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã được cải thiện, chi phí sản xuất đã giảm mạnh tuy nhiên lợi nhuận từ thuần từ hoạt động kinh doanh vẫn âm nguyên nhân là do tổng chi phí sản xuất vẫn ở mức cao (bằng 128,84% doanh thu thuần).

Những vấn đề ngoại trừ và cần nhấn mạnh tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

+ Một số khoản nợ phải thu 25.514.325.580 đồng, nợ phải trả 2.925.031.650 đồng chưa được đối chiếu xác nhận tại 31/12/2013. Kiểm toán viên đã sử dụng các thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Ngoài ra như trình bày tại điểm (*) của thuyết minh số 18, một số khoản nợ phải trả 927.130.471 đồng không có chi tiết cụ thể theo tên đối tượng nợ. kiểm toán viên cũng không thu được đầy đủ các bằng chứng kế toán cần thiết liên quan đến khoản công nợ này. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Các vấn đề cần nhấn mạnh:

+ Sự kiện nổi bật trong năm và sau ngày kết thúc niên độ kế toán: Theo quyết định số 122/QĐ-SGDHCM ngày 03 tháng 4 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc hủy niêm yết cổ phiếu VES. Theo đó, cổ phiếu của Công ty (mã giao dịch chứng khoán VES) bị hủy niêm yết kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2013 do lỗ ròng 3 năm liên tiếp (năm 2010, 2011 và 2012) với các khoản lỗ lần lượt là 4.687.607.933 đồng, 6.893.301.672 đồng và 16.214.213.351 đồng. Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.



+ Quyền sử dụng đất lâu dài tại lô số R1-72 và R4-71 Bùi Bằng Đoàn, Khu phố Hưng phúc 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và lô số 740C Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyền sử dụng đất này hiện là tài sản đảm bảo nợ vay của Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quận 8.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

Nhu cầu điện năng phục vụ cho nền kinh tế trong những năm qua vẫn tăng cao, Chính phủ vẫn duy trì khuyến khích đầu tư phát triển các lĩnh vực sản xuất và truyền tải điện. Các công trình xây dựng điện triển khai nhiều do nhu cầu phụ tải ngày càng lớn, doanh thu của Công ty đã và đang có xu hướng tăng mạnh. Cơ cấu tổ chức và nhân sự trong công ty ổn định. Lực lượng lao động có tay nghề trình độ. Năng lực máy móc thiết bị thi công của công ty tương đối đầy đủ có thể đáp ứng cho công tác thi công các công trình.

Khó khăn

Trước tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn, vốn hoạt động cho sản xuất kinh doanh vẫn còn hạn chế. Công ty vẫn chưa thể huy động vốn để tiếp tục đầu tư và triển khai được dự án VNECO PLAZA. Lại vay vẫn ở mức cao nên kết quả kinh doanh chưa thể có bước đột phá.

8. Vị thế của Công ty so với các DN khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Qua những năm xây dựng và phát triển, Công ty đã xây dựng được hình ảnh và thương hiệu tốt trong lĩnh vực xây lắp điện. Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác thi công xây dựng và lắp ráp các công trình đường dây truyền tải điện, các trạm biến áp điện. Ưu thế của Công ty là có một đội ngũ nhân viên xây lắp chuyên ngành được đào tạo bài bản và có nhiều kinh nghiệm.

Công ty đã và đang hướng đến thị trường xây lắp điện trong miền Nam, các tỉnh miền Tây, thị trường Campuchia, đây là những thị trường đầy tiềm năng. So với những công ty xây lắp điện khác thì Công ty Mêca Vneco được lợi thế về vị trí địa lý, gần với các thị trường tiềm năng.

Công ty Mêca Vneco là đơn vị đi đầu trong lĩnh vực xây lắp trong Tổng công ty xây dựng điện Việt nam (VNECO), và là đối tác chính của VNECO trên thị trường miền Nam

Dưới đây là những dự án xây lắp điện lớn mà Công ty đã từng tham gia:

STT	Tên công trình	Giai đoạn
1	Công trình Đường dây 220kv Ô Môn – Sóc Trăng...	Năm 2007-Năm 2008
2	Công trình Đường dây 220kv Ô Môn – Thốt Nốt	Năm 2007-Năm 2008
3	Công trình đường dây 220kv Cà Mau – Rạch Giá	Năm 2007-Năm 2008
4	Công trình Trạm biến áp 220/110kv Sóc Trăng	Năm 2008-Năm 2009
5	Công trình thi công xây dựng dân dụng cho mạng thông tin	Năm 2008-Năm 2009

Ngoài ra, Mêca Vneco từ một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp điện nay Công ty đã đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh. Công ty đã mạnh dạn đầu tư phát triển sang lĩnh vực dịch vụ du lịch và kinh



doanh bất động sản: Sản phẩm dịch vụ du lịch đã có những thành tựu, đóng góp ngày càng cao vào tổng doanh thu của Công ty Cả 2 khách sạn thuộc sở hữu Công ty đều nằm vị trí thuận lợi gần siêu thị, trung tâm mua sắm, tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi cho người thuê. Đặc biệt, khách sạn Xanh Mèca Vneco nằm ở khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng với quan cảnh thiên nhiên rộng rãi, thoáng mát, đối tượng thuê chính là các khách du lịch nước ngoài.

Trong thời gian tới nếu thị trường bất động sản hồi phục thì dự án khu căn hộ cao cấp VNECO-Bến Bình Đông (VNECO PLAZA) tại 277 Bến Bình Đông, P14, Quận 8, Tp.Hồ Chí Minh của Công ty có thể làm thay đổi mạnh mẽ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII), xác định mục tiêu cụ thể của ngành điện, định hướng phát triển nguồn điện và lưới điện như sau:

Về mục tiêu cụ thể :

Cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước , sản lượng điện năm 2015 khoảng 194-210 tỷ kWh, năm 2020 khoảng 330-362 tỷ kWh, năm 2030 khoảng 695-834 tỷ kWh. Ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện, tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng này từ mức 3.5% năm 2010, lên 4.5% tổng điện năng sản xuất năm 2020 và 6% vào năm 2030. Giảm hệ số đàn hồi điện/GDP từ bình quân 2,0 năm 2010 xuống còn 1,5 vào năm 2020 và còn 1 vào năm 2030. Đẩy nhanh chương trình điện khí hóa nông thôn, miền núi đảm bảo đến 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn có điện.

Về phát triển nguồn điện

Với mục tiêu nêu trên, ngành điện phải phát triển cân đối nguồn trên từng miền: Bắc, Trung, Nam đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện trên từng hệ thống nhằm giảm tổn thất truyền tải, chia sẻ công suất nguồn dự trữ, khai thác hiệu quả các nhà máy thủy điện trong các mùa

Phát triển hợp lý các trung tâm điện lực ở các khu vực trong cả nước nhằm đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện tại chỗ và giảm tổn thất kỹ thuật trên hệ thống truyền tải điện quốc gia, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho từng vùng và cả nước. Phát triển các nguồn điện mới đi đôi với các phương án đầu tư chiều sâu và đổi mới công nghệ các nhà máy đang vận hành; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; sử dụng công nghệ hiện đại đối với các nhà máy điện mới. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư phát triển nguồn điện nhằm tăng cường cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Đến năm 2020: tổng công suất các nhà máy điện khoảng 75.000 MW. Trong đó thủy điện chiếm 23,1%, thủy điện tích năng 2,4%, nhiệt điện than 48%, nhiệt điện khí đốt 16,5%, nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo 5,6%, điện hạt nhân 1,3% và nhập khẩu điện 3,1%

Định hướng đến năm 2030: tổng công suất các nhà máy điện khoảng 146.800 MW. Trong đó thủy điện chiếm 11,8%, thủy điện tích năng 3,9%, nhiệt điện than 51,6%, nhiệt điện khí đốt 14,4%, nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo 6%, điện hạt nhân 10,1% và nhập khẩu điện 3,8%

Về phát triển lưới điện

Phát triển lưới điện truyền tải đồng bộ với tiến độ đưa vào vận hành các nhà máy điện để đạt được hiệu quả đầu tư chung của toàn hệ thống

Phát triển lưới 500 kV và 220 kV nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng, huy động thuận lợi các nguồn điện trong các mùa và các chế độ vận hành

Phát triển lưới 220 kV và 110 kV, hoàn thiện mạng lưới điện khu vực nâng cao ổn định, độ tin cậy, giảm tổn thất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo lưới trung áp sang cấp điện áp 22 kV

Phát triển đường dây truyền tải điện có dự phòng cho phát triển lâu dài trong tương lai. Thực hiện việc hiện đại hóa và từng bước ngầm hóa lưới điện các thành phố, thị xã, hạn chế tác động xấu đến cảnh quan môi trường

Từng bước hiện đại hóa lưới điện, nghiên cứu triển khai áp dụng công nghệ “Lưới điện thông minh” để khai thác hiệu quả lưới và nâng cao độ an toàn cung cấp điện.



Khối lượng lưới điện dự kiến xây dựng theo từng giai đoạn

Hạng mục	Đơn vị	2011-2015	2016-2020	2021-2015	2026-2030
Trạm 500 kV	MVA	17.100	26.750	24.400	20.400
Trạm 220 kV	MVA	35.863	39.063	42.775	53.250
ĐZ 500 kV	km	3.833	4.539	2.234	2.724
ĐZ 220 kV	km	10.637	5.305	5.552	5.020

Đối với ngành nghề kinh doanh hiện nay của Công ty thì lĩnh vực chính là xây lắp điện. Đây cũng là những lĩnh vực mà hiện nay cũng như trong tương lai Chính phủ vẫn duy trì khuyến khích đầu tư phát triển.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế trong nước, quốc tế và chiến lược phát triển của Ngành điện, hoạt động xây lắp điện của Công ty là phù hợp với kế hoạch phát triển của Ngành và định hướng phát triển của Công ty. Mêca Vneco đặt mục tiêu đưa Công ty trở thành một doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực xây lắp điện tại thị trường khu vực miền Nam với các định hướng chiến lược như sau:

- 🚧 Củng cố và phát triển thị trường xây lắp điện trong nước, đặc biệt là các tỉnh miền Tây và thị trường miền Đông Nam bộ.
- 🚧 Mở rộng thị phần xây lắp điện sang các nước trong khu vực như Lào và Campuchia
- 🚧 Đáp ứng được chất lượng và tiến độ thực hiện các dự án do Công ty làm xây dựng và lắp ráp điện.

Mặt khác việc hoàn thiện các dịch vụ du lịch, cho thuê mặt bằng và cơ cấu lại dự án đầu tư bất động sản sẽ đem lại hiệu quả cho Công ty trong kế hoạch phát triển trong những năm tới

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số Cán bộ Công nhân viên của Công Ty đến 30/6/2014 ngày là: 20 người.

Phân loại lao động cụ thể như sau:

Bảng 9: Phân loại lao động

TT	Chỉ tiêu phân loại	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo thời hạn hợp đồng			
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	20	20
2	Hợp đồng lao động có xác định thời hạn	-	-
	Tổng cộng	20	100
Phân theo trình độ			
1	Đại học,	9	45
2	Cao đẳng, trung cấp	7	35
3	Công nhân kỹ thuật	4	20
4	Lao động phổ thông	-	-
	Tổng cộng	20	100

Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2013



9.2 Chế độ làm việc

Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Điều kiện làm việc: văn phòng làm việc thoáng mát, kang trang. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Lao động trực tiếp trong lĩnh vực xây dựng điện, kinh doanh khách sạn làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động, làm thêm không quá 200 giờ trong 1 năm, lương ngoài giờ được trả từ 150% đến 200% mức lương làm việc thông thường.

9.3 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển, Công ty luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng, đào tạo và tái đào tạo nguồn nhân lực, đồng thời có chính sách ưu đãi đối với Cán bộ công nhân viên chủ chốt để đảm bảo và ngày càng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chí bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

Chính sách thu hút nhân tài

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

9.4 Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

Người lao động của Công ty hưởng lương theo thỏa thuận hoặc quy chế khoán theo sản phẩm trong đó đã bao gồm mức lương chính đóng BHXH.

Tổng quỹ lương của công ty do Giám đốc công ty trình và Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo mức lương do công ty trả không thấp hơn mức lương tối thiểu do nhà nước quy định. Quỹ lương của công ty bao gồm quỹ tiền lương tính theo đơn giá lương khoán của người lao động và quỹ tiền lương dự phòng.

Tiền lương chính của người lao động do hai bên thỏa thuận. Các khoản phụ cấp nếu có thực hiện theo quy chế của công ty.

Các đơn vị sản xuất của công ty hưởng lương theo quy chế khoán sản phẩm, doanh thu áp dụng đối với công nhân xây dựng điện và nhân viên trực tiếp khách sạn căn cứ vào mức độ hoàn thành khối lượng, doanh thu, chất lượng công việc và sáng kiến tiết kiệm chi phí.

Đối với lao động thuê ngoài căn cứ vào khối lượng, chất lượng và thời gian hoàn thành công việc.

Đối với cán bộ quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ lương được trả theo thời gian lao động, hệ số.

Chính sách thưởng

Công ty thưởng thêm cho các cá nhân, tập thể có nhiều thành tích đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu của Công ty như: có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sáng kiến tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu. Quỹ khen thưởng phúc lợi được lãnh đạo Công ty và Công đoàn tham gia quản lý.

Bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.



10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ Công ty, Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Năm 2012 và năm 2013 Công ty làm ăn thua lỗ nên không tiến hành trả cổ tức

11. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Công ty hiện đang áp dụng theo phương pháp đường thẳng phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	45
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8
Máy móc thiết bị	12

b) Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của CB-CNV Công ty trong năm 2012 là 4.800.000 đồng/người/tháng, năm 2013 là 5.000.000 đồng/người/tháng

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được các khoản tin dụng của khách hàng và đối tác nhằm chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn và sắp đến hạn.

Chủ nợ lớn nhất của Công ty hiện tại là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam(VNECO). Các khoản vay của VNECO chủ yếu nhằm mục đích cung cấp nguồn vốn ngắn hạn cho Công ty.

Trong kế hoạch 2014, ngoài việc tiếp tục hoàn thiện các thủ tục theo quy định để triển khai dự án VNECO PLAZA trên lô đất 277 Bến Bình Đông, Q8, Tp HCM, công ty cũng tính tới khả năng chuyển nhượng dự án này để thu hồi tiền đầu tư, hoàn trả các khoản vay ngắn hạn cho Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam.

Bảng 10: Thanh toán các khoản nợ ngân hàng đến hạn

Đơn vị tính: VND

Nguồn vay	31/12/2013	30/06/2014
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam - CN Sài Gòn Gia Định (Hợp đồng số 0102/2011/HĐTD-DN.HCM.102 ngày 23/12/2011)	175.080.000	-
Tổng cộng	175.080.000	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014



d) Các khoản phải nộp theo luật định giai đoạn 2012-2013

Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Số dư các khoản thuế phải nộp đến thời điểm 31/12/2012; 31/12/2013 và 30/6/2014 như sau:

Bảng 11: Các khoản phải nộp theo luật định giai đoạn 2012-2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	30/06/2014
Thuế giá trị gia tăng	79.339.902	743.166.586	422.270.412
Tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ	2.654.468.000	2.654.468.000	2.654.468.000
Cộng	2.733.807.902	3.397.634.586	3.076.738.412

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ của Công ty, sau khi kết thúc năm tài chính (31/12), Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty và sau đó sẽ tiến hành trích lập các quỹ. Trong năm 2013 và 06 tháng đầu năm 2014, do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị thua lỗ nên không tiến hành trích lập bổ sung các Quỹ. Số dư các quỹ của Công ty vào các thời điểm 31/12/2013 và 30/6/2014 như sau:

Bảng 12: Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2012 ; 31/12/2013 và tại thời điểm 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Các quỹ	31/12/2012	31/12/2013	06 tháng đầu năm 2014
Quỹ đầu tư phát triển	1.161.453.222	1.161.453.222	1.161.453.222
Quỹ dự phòng tài chính	976.705.862	976.705.862	976.705.862
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	989.202.338	985.302.338	985.302.338

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

f) Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2013 tổng dư nợ vay của Công ty là 45.496.816.240 đồng, trong đó vay và nợ ngắn hạn là 45.321.816.240 đồng, vay và nợ dài hạn là 175.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Bảng 13: Chi tiết số dư các khoản vay tại thời điểm 31/12/2012; 31/12/2013 và tại thời điểm 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	06 tháng đầu năm 2014
Vay và nợ ngắn hạn	57.644.000.000	45.321.816.240	45.302.501.240
+ Vay Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam (*)	57.644.000.000	45.292.876.240	45.302.501.240
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	-	28.940.000	-
Vay và nợ dài hạn	379.020.000	175.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam- CN Sài Gòn Gia Định (**)	379.020.000	175.000.000	-
Tổng cộng	58.023.020.000	45.496.816.240	45.302.501.240

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

(*) Đây là các khoản vay ngắn hạn với Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam. Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất tại Lô đất 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp Hồ Chí Minh; Lô đất R1-72 và R4-71, Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh.

(**) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 0102/2011/HĐTD-DN.HCM.102 ngày 23/12/2011. Hạn mức vay: 700.000.000 đồng. Lãi suất vay: Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng ở bậc cao nhất do Ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân (+) biên độ 0.42%/tháng. Thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích vay: Mua xe Honda ô tô CR-V 2.4L AT. Tài sản đảm bảo: Xe Honda ô tô CR-V 2.4L AT biển số 51A-059.01

g) Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 14: Tình hình công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2012 ; 31/12/2013 và tại thời điểm 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	6 tháng đầu năm 2014
Phải thu từ khách hàng	9.915.544.396	12.748.515.923	7.374.016.885
Trả trước cho người bán	1.624.086.937	1.844.084.937	2.915.500.774
Các khoản phải thu khác	20.444.654.881	11.530.630.201	11.517.795.339
Dự phòng phải thu khó đòi	(12.622.687.808)	(17.708.824.796)	(17.612.630.862)
Tổng cộng	19.361.598.406	8.414.406.266	4.194.682.136

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

Bảng 15: Chi tiết phải thu khác

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Công ty TNHH Hải Vân Sơn (1)	5.037.311.951	5.037.311.951	5.037.311.951
+ Lãi vay công ty trả thay	4.037.311.951	4.037.311.951	4.037.311.951
+ Gốc vay công ty trả thay	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần Thành Long	8.902.693.665	-	-
Tổng Cty CP xây dựng điện Việt Nam	90.422.000	102.612.000	102.612.000
Ông Đỗ Mạnh Hùng (2)	6.140.157.899	6.140.157.899	6.140.157.899
Ông Võ Văn Khôi	10.159.500	10.159.500	10.159.500
Cán bộ công nhân viên	232.249.575	230.224.467	227.553.988
Phải thu khác	31.660.291	10.164.384	-
Lãi dự thu	-	10.164.384	-
Phải thu khác	31.660.291	-	-
Cộng	20.444.654.881	11.530.630.201	11.517.795.338

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

(1) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH Hải Vân Sơn liên quan đến Hợp đồng mua bán khách sạn Xanh Sài Gòn ngày 28/12/2008. Theo Hợp đồng này Công ty bán Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C, đường Nguyễn



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

Kiểm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn. Công ty đã thế chấp Khách sạn Xanh Sài Gòn bảo lãnh cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh 9 Tp Hồ Chí Minh, số tiền 14 tỷ đồng. Đến thời điểm trả nợ gốc và lãi vay (tương ứng số tiền trình bày trên) thì Công ty TNHH Hải Vân Sơn bị mất khả năng thanh toán. Do tài sản này chưa làm thủ tục sang tên nên thuộc quyền sở hữu của Công ty và vì vậy ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả nợ thay cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn theo quy định của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh đã ký kết.

(2) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng cho ông Đỗ Mạnh Hùng để thực hiện việc xin cấp giấy phép xây dựng Dự án 277 Bến Bình Đông. Tuy nhiên, ông Đỗ Mạnh Hùng đã nghỉ việc và chưa cung cấp hóa đơn chứng từ để quyết toán khoản tạm ứng.

* Các khoản phải thu (1) và (2) Công ty đã trích lập dự phòng theo quy định đối với các khoản nợ trên 3 năm (Bảng 16)

Bảng 16: Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	31/12/2012	31/12/2013
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	11.118.808.353	13.338.545.574
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.208.785.670	4.230.749.844
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	295.093.785	139.529.378
Cộng	12.622.687.808	17.708.824.796

Nguồn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013

Các khoản phải trả

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2012, 31/12/2013 và tại thời điểm 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Nợ ngắn hạn	122.972.328.673	115.430.126.287	116.432.212.456
Vay và nợ ngắn hạn	57.644.000.000	45.321.816.240	45.302.501.240
Phải trả cho người bán	39.603.565.064	39.510.121.564	39.225.573.066
Người mua trả tiền trước	3.638.588.057	890.406.299	890.406.299
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	2.733.807.902	3.397.634.586	3.076.838.412
Phải trả người lao động	20.844.398	243.836.000	70.465.600
Chi phí phải trả	962.613.072	520.832.073	441.741.982
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17.379.707.842	24.560.177.187	27.424.685.857
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	989.202.338	985.302.338	-
Nợ dài hạn	488.110.909	515.000.000	340.000.000
Phải trả dài hạn khác	-	340.000.000	340.000.000
Vay và nợ dài hạn	379.020.000	175.000.000	-
Doanh thu chưa thực hiện	109.090.000	-	-
Tổng cộng	123.460.439.582	115.945.126.287	116.722.212.456

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014



h, Hàng tồn kho

Bảng 18: Chi tiết hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2012, 31/12/2013 và tại thời điểm 30/06/2014 Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Nguyên liệu, vật liệu	43.793.341	43.793.341	43.793.341
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.183.509.901	694.053.596	3.944.049.710
Cộng	1.227.303.242	737.846.937	3.987.843.051

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

k, Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Bảng 19: Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31/12/2012, 31/12/2013 và tại thời điểm 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	31/12/2012		31/12/2013		30/6/2014	
	Số lượng cp	Giá trị	Số lượng cp(*)	Giá trị	Số lượng cp	Giá trị
Đầu tư dài hạn						
- Cổ phiếu CTCP Sông Ba (SBA)	191.540	1.915.400.000	201.117	1.915.400.000	201.117	1.915.400.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		(1.015.162.000)		(366.799.100)		-
Cộng	191.540	900.238.000	201.117	1.548.600.900	201.117	1.915.400.000

(*) Số lượng cổ phiếu tăng theo công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2012, số 298/13/S3-TCKT ngày 14/8/2013 của Công ty cổ phần Sông Ba, với tỷ lệ cổ phiếu phát hành trả cổ tức là 5%

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.19	0.096
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.18	0.09
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0.61	0.61
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1.58	1.58
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	5.4	10.3
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0.035	0.09
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (**)			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-	-
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-	-
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	-	-
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013

(**) Do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2012 và 2013 âm nên không tính các chỉ tiêu về khả năng sinh lời.



12. Hội đồng Quản trị; Ban Giám đốc; Ban kiểm soát; Kế toán trưởng

Bảng 21: Danh sách Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Ông Ngô Văn Cường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Ông Lê Thạch Túy	Thành viên HĐQT
3	Ông Lê Chí Dũng	Thành viên HĐQT
4	Ông Lâm Quốc Hải	Thành viên HĐQT, Giám đốc
5	Ông Trần Quang Huy	Thành viên HĐQT
BAN KIỂM SOÁT		
1	Ông Hồ Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Võ Thành Lương	Thành viên Ban kiểm soát
BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG		
1	Ông Lâm Quốc Hải	Giám đốc, Thành viên HĐQT
2	Ông Mai Thái Dũng	Kế toán trưởng

12.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ông Ngô Văn Cường: Chủ tịch HĐQT

- | | |
|----------------------------|--|
| 1. Họ và tên: | Ngô Văn Cường |
| 2. Số CMND: | |
| 3. Giới tính: | Nam |
| 4. Ngày tháng năm sinh: | 30/05/1975 |
| 5. Nơi sinh: | Tâm Lĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang |
| 6. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7. Dân tộc: | Kinh |
| 8. Quê quán: | Tâm Lĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang |
| 9. Địa chỉ thường trú: | Tổ 50, P An Khê, Q Thanh Khê, TP Đà Nẵng |
| 10. Số điện thoại cơ quan: | 0511 562361 |
| 11. Trình độ văn hoá: | 12/12 |
| 12. Trình độ chuyên môn: | Thạc sĩ hệ thống điện |
| 13. Quá trình công tác: | |
| 8/1997-6/1999 | Cán bộ phòng kỹ thuật Công ty xây lắp điện 3 |
| 7/1999-11/2002 | Phó phòng kỹ thuật Công ty xây lắp điện 3 |
| 12/2002-11/2005 | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty xây lắp điện 3 |
| 12/2005- 9/2009 | Trưởng phòng kỹ thuật vật tư Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam |
| Từ tháng 10/2009 đến nay | Phó Tổng giám đốc Công ty CP xây dựng điện Việt Nam |
| Từ 31/5/2012 đến nay | Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco |



14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
15. Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam
16. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
17. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	0 cp
18. Số cổ phần đại diện cho VNECO:	6.310.000 cp
19. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam, sở hữu 6.310.000 cổ phần, tương ứng 70,05%
20. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

**Ông Lê Thạch Túy: Thành viên HĐQT**

01. Họ và tên:	Lê Thạch Túy
02. Số CMND:	200.873.492
03. Giới tính:	Nam
04. Ngày tháng năm sinh:	04/09/1967
05. Nơi sinh:	Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng
06. Quốc tịch:	Việt Nam
07. Dân tộc:	Kinh
08. Quê quán:	Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng
09. Địa chỉ thường trú:	173 Hà Huy Tập, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
10. Số điện thoại cơ quan:	0511.3562367
11. Trình độ văn hoá:	12/12
10. Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
11. Quá trình công tác:	
Từ 07/1996 - 10/1998	Nhân viên Phòng Kỹ Thuật - Công ty Xây lắp điện 3
Từ 11/1998 - 3/1999	Nhân viên Phòng Kinh tế đấu thầu - Công ty Xây lắp điện 3
Từ 4/1999 - 5/2002	Phó Chánh văn phòng - Công ty Xây lắp điện 3
Từ 6/2002 - 4/2003	Phó phòng Kinh tế đối ngoại - Công ty Xây lắp điện 3
Từ 5/2003 - 3/2004	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại - Công ty Xây lắp điện 3
Từ 4/2004 - 12/2005	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
Từ 01/2006 đến nay	Trợ lý Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam
Từ 31/5/2012 đến nay	Ủy viên Hội đồng Quản trị CTCP Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco
	Ủy viên Hội đồng quản trị
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	
15. Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:	Trợ lý Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng điện Việt nam
16. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
17. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	50.000 CP
18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	0.56%
19. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không



Ông Lê Chí Dũng : Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Lê Chí Dũng
2. Số CMND: 200914440
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 04/08/1968
5. Nơi sinh: Phú Mỹ, Phú Hiệp, Thừa Thiên Huế
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Phú Mỹ, Phú Hiệp, Thừa Thiên Huế
9. Địa chỉ thường trú: 126 Trần Phú, TP Đà Nẵng
10. Số điện thoại cơ quan: 0511 856236
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Đại học ngành Tài chính- Ngân hàng
13. Quá trình công tác:
Từ tháng 10/1992 đến nay Công tác tại Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam
Từ 31/5/2012 đến nay Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco: Thành viên hội đồng quản trị
15. Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Phó phòng Tài chính Kế Toán, Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam
16. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
17. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 0 cp
18. Số cổ phần đại diện: 0 cp
19. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Lâm Quốc Hải: Thành viên HĐQT – Giám đốc

1. Họ và tên: Lâm Quốc Hải
2. Số CMND: 024436152
3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 07/06/1960
5. Nơi sinh: Hải Dương
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Huế
9. Địa chỉ thường trú: 12/1KP2, P. Tân Thuận Đông, Q7, HCM
10. Số điện thoại cơ quan: 083.9975154
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Đại học
13. Quá trình công tác:
1983-1989 Dạy học Tại Thành Phố Đà Nẵng
1989-1996 Làm việc tại công ty Xây lắp điện 3, Bộ Năng Lượng
1996-2008 Làm việc tại ban QL DA Nhiệt Điện 3, Tập đoàn điện lực Việt Nam
2008- đến nay Làm việc tại Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco



Từ 09/10/2010 đến nay	Giám đốc Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco
Từ 31/5/2012 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc
Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	
15. Chức vụ công tác tại các tổ chức khác	Không
16. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
17. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	0 cp
18. Số cổ phần đại diện:	0 cp
19. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không



Ông Trần Quang Huy : Thành viên HĐQT

1. Họ và tên:	Trần Quang Huy
2. Số CMND:	168005519
3. Giới tính:	Nam
4. Ngày tháng năm sinh:	13/10/1980
5. Nơi sinh:	Hưng Đạo, Lý Nhân, Hà Nam
6. Quốc tịch:	Việt Nam
7. Dân tộc:	Kinh
8. Quê quán:	Hưng Đạo, Lý Nhân, Hà Nam
9. Địa chỉ thường trú:	P12 Chung cư Bộ đội biên phòng , đường Nguyễn Văn Công, P3, Q Gò Vấp , TP Hồ Chí Minh
10. Số điện thoại cơ quan:	08 54105273
11. Trình độ văn hoá:	12/12
12. Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cầu đường
13. Quá trình công tác:	
1998-10/2000	Công tác tại Công an Tỉnh Hà Nam
11/2001-12/2007	Công ty quản lý sửa chữa cầu đường bộ 715, Xã Nguyệt Hóa, Huyện Châu thành, Tỉnh Trà Vinh
01/2008-02/2009	Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ 715, Xã Tân Ngãi, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
03/2009 đến nay	Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật vật tư Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco
Từ 31/5/2012 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:	Thành viên hội đồng quản trị- Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật vật tư
15. Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Không
16. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
17. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	0 cp
18. Số cổ phần đại diện:	0 cp
19. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

12.2 Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Ông Lâm Quốc Hải	Giám đốc, Thành viên HĐQT	<i>Thông tin đã nêu ở trên</i>
Ông Mai Thái Dũng	Kế toán trưởng	



Ông Mai Thái Dũng: Kế toán trưởng

- | | |
|--|--|
| 1. Họ và tên: | Mai Thái Dũng |
| 2. Số CMND: | 021731459 |
| 3. Giới tính: | Nam |
| 4. Ngày tháng năm sinh: | 15/09/1965 |
| 5. Nơi sinh: | Hà Thành, Hà Trung, Thanh Hóa |
| 6. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7. Dân tộc: | Kinh |
| 8. Quê quán: | Hà Thành, Hà Trung, Thanh Hóa |
| 9. Địa chỉ thường trú: | 169 D1 Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh |
| 10. Số điện thoại cơ quan: | 083 35128816 |
| 11. Trình độ văn hoá: | 12/12 |
| 12. Trình độ chuyên môn: | Đại học Tài chính - Kế toán |
| 13. Quá trình công tác: | |
| 1998-2002 | Cán bộ phòng Tài Chính – Kế toán Điện lực Thủ Đức- Công ty ĐL TP Hồ Chí Minh |
| 2002-2005 | Tổ trưởng ngân quỹ - ĐL Thủ Đức – Cty ĐL TP Hồ Chí Minh |
| 2006-2007 | Phụ trách kế toán Cty cổ phần Vang Thăng Long- CN Tp. HCM |
| 2007-đến nay | Làm việc tại Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco |
| Từ 02/7/2012 đến 15/1/2013 | Quyền Kế toán trưởng Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco |
| Từ 16/01/2013 đến nay | Kế toán trưởng Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco |
| 14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Kế toán trưởng Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco: | |
| 15. Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: | Không |
| 16. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): | Không |
| 17. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: | 0 cp |
| 18. Số cổ phần đại diện: | 0 cp |
| 19. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: | Không |
| 20. Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| 21. Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không |

12.3 Ban kiểm soát

Ông Hồ Văn Quang: Trưởng Ban kiểm soát

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Họ và tên: | Hồ Văn Quang |
| 2. Số CMND: | 201340940 |
| 3. Giới tính: | Nam |
| 4. Ngày tháng năm sinh: | 01/09/1963 |
| 5. Nơi sinh: | Xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ an. |
| 6. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7. Dân tộc: | Kinh |
| 8. Quê quán: | Xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ an. |
| 9. Địa chỉ thường trú: | K54/25 Đường Hoàng Văn Thái , Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng |
| 10. Số điện thoại cơ quan: | 0511.3562367 |
| 11. Trình độ văn hoá: | 10/10 |
| 12. Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |



13. Quá trình công tác:

- | | |
|------------------------|---|
| + Từ 1984 – 1987 | Công tác tại Công ty xây lắp đường dây và trạm V |
| + Từ 1988 – 2005 | Công tác tại Công ty xây lắp điện 3 |
| + Từ 2005 – nay | Chánh văn phòng – Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam . |
| + Từ 31/5/2012 đến nay | Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco |

14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Trưởng Ban kiểm soát Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco:

15. Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không

16. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

17. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 5.000 cp

18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0,06%

19. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không

20. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

21. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không



Ông Võ Thành Lương: Thành viên Ban kiểm soát

- | | |
|--|--|
| 1. Họ và tên: | Võ Thành Lương |
| 2. Số CMND: | 181985963 |
| 3. Giới tính: | Nam |
| 4. Ngày tháng năm sinh: | 18/04/1974 |
| 5. Nơi sinh: | Vĩnh Thành, Yên Thành, Nghệ An |
| 6. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7. Dân tộc: | Kinh |
| 8. Quê quán: | Vĩnh Thành, Yên Thành, Nghệ An |
| 9. Địa chỉ thường trú: | Tổ 32, Tân Chính, Thanh Khê, Đà Nẵng |
| 10. Số điện thoại cơ quan: | 05113.562366 |
| 11. Trình độ văn hoá: | 12/12 |
| 12. Trình độ chuyên môn: | Cử nhân QTKD |
| 13. Quá trình công tác: | |
| Năm 2000 - năm 2002 | Công tác tại phòng Kế hoạch Tổng công ty CP XD Điện Việt Nam |
| Năm 2002 đến nay | Công tác tại phòng Tài chính kế toán, Tổng công ty CP XD Điện Việt Nam |
| Từ 31/5/2012 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco |
| 14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Thành viên Ban kiểm soát Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco: | |
| 15. Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: | Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty CP XD Điện Việt Nam |
| 16. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): | Không |
| 17. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: | 5.000 cp |
| 18. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: | 0.06% |
| 19. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: | Không |
| 20. Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| 21. Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không |



Ông Nguyễn Văn Quảng: Thành viên Ban kiểm soát

- | | |
|---------------|------------------|
| 1. Họ và tên: | Nguyễn Văn Quảng |
| 2. Số CMND: | 201532219 |



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO

3. Giới tính: Nam
4. Ngày tháng năm sinh: 26/03/1965
5. Nơi sinh: Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
9. Địa chỉ thường trú: Tổ 60 Phường Chính Gián, Q Thanh Khê, TP Đà Nẵng
10. Số điện thoại cơ quan: 051103565237
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế và quản lý doanh nghiệp
13. Quá trình công tác:
- Năm 2003 Chuyên viên phòng tổ chức nhân sự và đào tạo Công ty Xây lắp điện 3
- Năm 2004-2005 Phó phòng tổ chức nhân sự và đào tạo Công ty Xây lắp điện 3
- Năm 2006 đến nay Phó phòng tổ chức nhân sự và đào tạo Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam
- Từ 31/5/2012 đến nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP ĐT Và XD Điện Mêca Vneco
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Thành viên ban kiểm soát Đầu tư và Xây dựng điện Mêca Vneco
15. Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Phó phòng tổ chức nhân sự và đào tạo Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam
16. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
17. Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 0 cp
18. Số cổ phần đại diện: 0 cp
19. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
20. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
21. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2013

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 22: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

TT	Loại tài sản	Nguyên giá tại 31/12/2013	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại đến 31/12/2013
I	Tài sản cố định hữu hình	20.399.905.443	3.105.674.168	17.294.231.275
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	18.515.338.724	2.417.484.525	16.097.854.199
2	Máy móc, thiết bị	734.060.000	299.579.446	434.480.554
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.038.581.819	311.574.546	727.007.273
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	111.924.900	77.035.651	34.889.249
II	Tài sản cố định vô hình	61.352.885.300	-	61.352.885.300
1	Quyền sử dụng đất	61.352.885.300	-	61.352.885.300
2	Tài sản cố định vô hình khác	-	-	-
	Cộng	81.752.790.743	3.105.674.168	78.647.116.575

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2013



Bảng 23: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

TT	Loại tài sản	Nguyên giá tại 30/6/2014	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại đến 30/06/2014
I	Tài sản cố định hữu hình	20.339.905.443	3.565.491.174	16.774.414.269
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	18.515.338.724	2.787.791.301	15.727.547.423
2	Máy móc, thiết bị	634.948.859	330.162.280	304.783.579
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.038.581.819	363.503.636	675.078.183
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	211.036.041	84.030.957	127.005.084
II	Tài sản cố định vô hình	61.352.885.300	-	61.352.885.300
1	Quyền sử dụng đất	61.352.885.300	-	61.352.885.300
2	Tài sản cố định vô hình khác	-	-	-
	Cộng	81.692.790.743	3.565.491.174	78.127.299.569

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

Bảng 24: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Dự án 227 Bến Bình đông, Phường 14, Quận 8, Tp.HCM (*)	97.944.334.866	97.944.334.866	97.944.334.866
Cộng	97.944.334.866	97.944.334.866	97.944.334.866

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014

(*) Là chi phí xây dựng dự án căn hộ cao cấp VNECO PLAZA tại 277 Bến Bình đông, Phường 14, Quận 8, Tp.HCM. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 67.000.000.000 đồng, chi phí tư vấn, chi phí thiết kế, lãi vay vốn hóa và các chi phí khác là 30.944.334.886 đồng.

Dự án có tổng mức đầu tư 498.000.000.000 đồng, xây dựng trên diện tích 5.465,4 m² bao gồm 02 tầng hầm để xe, khối để 02 tầng thương mại dịch vụ và khối căn hộ 23 tầng.

Hiện nay Dự án đang ngừng xây dựng do thiếu vốn và Công ty tạm thời cho thuê hoạt động mặt bằng này.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014

14.1 Kế hoạch phát triển trong năm 2014

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014

Bảng 25: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính năm 2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	
		Triệu Đồng	% Tăng/giảm so với 2013 (***)
1	Vốn điều lệ	90.075	-
2	Doanh thu thuần	19.053	9.2
3	Lợi nhuận sau thuế	1.334	-
4	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7%	-
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1.8%	-
6	Cổ tức	1.48%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014



*(***) Do Lợi nhuận sau thuế 2013 âm nên không tính % tăng giảm các chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế và khả năng sinh lời*

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2014

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào các dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin và giả định tại thời điểm lập kế hoạch.

- Công ty Mê ca Vneco là công ty con của Tổng công ty xây dựng điện Việt nam nên được sự hỗ trợ rất lớn từ Tổng công ty
- Công ty đang tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi là thi công xây điện điện;
- Giữ vững và phát triển quan hệ với các khách hàng lớn và ổn định tại thị trường truyền thống sẵn có của Công ty;
- Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, giám sát chất lượng thi công các công trình;
- Chú trọng trong công tác nghiệm thu thu hồi vốn;
- Đảm bảo chi phí hiệu quả.

Tuy doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh được ghi nhận trên BCTC 06 tháng đầu năm mới đạt chưa đến 20% kế hoạch cả năm 2014 nhưng các công trình trọng điểm đem lại doanh thu, lợi nhuận cho Công ty sẽ được hoàn thành và quyết toán trong thời gian còn lại trong năm.

Với những điều kiện ổn định như hiện tại, Ban lãnh đạo công ty tin tưởng việc hoàn thành kế hoạch năm 2014 là hoàn toàn khả thi.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty:

Không có



V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mã chứng khoán : VES

3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

4. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch :

Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch: 9.007.500 cổ phần

Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch theo mệnh giá: 90.075.000.000 đồng

5. Phương pháp tính giá

5.1 Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng điện Meca Vneco (VES) được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}}$$

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Vốn chủ sở hữu (đồng)	78.191.552.911	73.356.384.387	71.361.120.249
Tổng số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)	9.007.500	9.007.500	9.007.500
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	8.680	8.144	7.922

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý 2 năm 2014

5.2 Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên

Công ty sử dụng phương pháp tính giá P/E, P/B đồng thời tham khảo giá giao dịch của cổ phiếu VES trước khi bị hủy niêm yết tại sàn HSX, để tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VES tại thị trường UPCoM.

- Phương pháp so sánh P/E
- Phương pháp so sánh P/B
- Và các phương pháp khác theo quy định

Căn cứ vào tình hình thị trường tại thời điểm được chính thức giao dịch, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tính toán và ra quyết định về mức giá tham chiếu, công bố cho nhà đầu tư trước ngày giao dịch đầu tiên

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu Tư và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK TPHCM thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là: 0.06%

7. Các loại thuế liên quan

Thuế giá trị gia tăng (GTGT): Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Mức thuế TNDN áp dụng từ năm 01/07/2013 là 20%/năm.

Thuế khác: Các loại thuế khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Các loại thuế liên quan đến cổ phiếu khi cổ phiếu của Công ty được đưa vào giao dịch UPCoM



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức tư vấn :

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG (APS)

Địa chỉ: Số 14 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà nội

Điện thoại: (84-4) 3573 0200 Fax: (84-4) 3577 1960

Website: www.apec.com.vn

2.Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ: Lô 78-80 Đường 30-4, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 365 5886 Fax: (84-511) 365 5887

Email: acc@dng.vnn.vn

Website: <http://www.acc.com.vn>

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I :** Bản sao hợp lệ Giấy phép đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II :** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
- 3. Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán 2013 và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014



Tp Hồ Chí Minh, Ngày Tháng Năm 2014

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN MÊCA VNECO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Cường

Lâm Quốc Hải

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hồ Văn Quang

Mai Thái Dũng

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đỗ Lăng